

TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC TẬP
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2023 - 2024 (LỚP MIK75 ĐH CÔNG NGHIỆP DƯỢC NGÀNH DƯỢC HỌC)

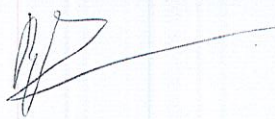
S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																												Tháng				
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	01-2024				02-2024				03-2024				04-2024				05-2024				06-2024												
					8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24								
					13	20	27	3	10	17	24	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29								
																																			Tuần		
1	Kỹ thuật hóa dược	33	24		3	3	3	3	TET				3	3	3	3	3	3				TT	TT	TT	TT		ÔN VÀ THI										
2	Bào chế và sinh dược học 2	29	32		3	3	3	3					3/4	3/4	3/4	3/4	2/4	3/4	/4	/4	/B																
3	Dược lâm sàng	40	20	20	4	4	4/4	4/4					4/4	4/Se	4/4	4/Se	4/Se	/Se	/Se	/B																	
4	Ngoại ngữ 4	30			4	4	4	4					4	4	4	2																					
5	Sản xuất thuốc 1	20	20													2	2	4	4	4	4	TT	TT	TT	TT	TT					TT	TT					
6	Công nghệ vi sinh trong SXDP	33	24		4	4	4	4					4	4	4	2	3					TT	TT	TT	TT												
7																																					
8																																					

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																								Tháng Ngày Tuần			
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	01-2024				02-2024				03-2024				04-2024				05-2024				06-2024							
					8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24			
					13	20	27	3	10	17	24	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29			
1	Bào chế và sinh dược học 2	29	32		3	3	3	3	TẾT	3/4	3/4	3/4	3/4	2/4	3/4	/4	/4	/B														
2	Dược lâm sàng	40	20	20	4	4	4/4	4/4		4/4	4/Se	4/4	4/Se	4/Se	/Se	/Se																
3	Ngoại ngữ 4	30			4	4	4	4		4	4	4	2																			
4	Dược lý lâm sàng	41		8	4	4	4	4		4	4	4	4	3	2	/Se	/Se															
5	Sử dụng thuốc trong điều trị	28	44	20											8	8	8	4		/16	/16	/16	/16									
6	Dược cộng đồng	22	16		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2/4	/4	/4	/4														
7																																
8																																

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																								Tháng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	01-2024				02-2024				03-2024				04-2024				05-2024				06-2024																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
					8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
					13	20	27	3	10	17	24	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
1	Dược cộng đồng	22	16												2	4	4	4	4	4	4	/4	/4	/4	/4,B																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trần Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

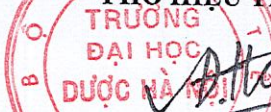


Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																									Tháng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	01-2024				02-2024				03-2024				04-2024				05-2024				06-2024																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
					8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
					13	20	27	3	10	17	24	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
1	Thực vật dân tộc học ứng dụng	26	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															</

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Trần Thị Lan Hương

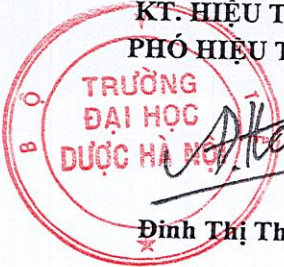
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

S T T	Học phần	Số tiết			Số tiết học trong 1 tuần lễ																												Tháng	Ngày	Tuần	Phòng CLC
		Giờ LT	Giờ TT	Giờ Se	01-2024				02-2024				03-2024				04-2024				05-2024				06-2024											
					8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24							
					13	20	27	3	10	17	24	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29							
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25							
1	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và	37	16		4	4	4	4	TẾT	4	4	4	4	3	2					/16																
2	Bào chế và sinh dược học 2	29	32		3	3	3	3		3/4	3/4	3/4	3/4	2/4	3/4	/4	/4	/B																		
3	Dược lâm sàng	40	20	20	4	4	4/4	4/4		4/4	4/4	4/Se	4/4	4/Se	4/Se	/Se	/Se																			
4	Ngoại ngữ 4	30			4	4	4	4		4	4	4	2																							
5	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	30			3	3	3	3		3	3	3	3	3	3																					
6	Xây dựng và tham định phương pháp phân tích	30												2	2	8	8	8	2																	
7	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược	16	28													4	4	4	4		/8	/8	/12	/B												
8																																				

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



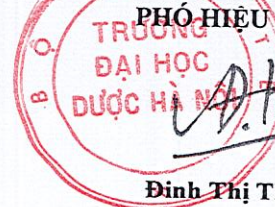
Trần Thị Lan Hương

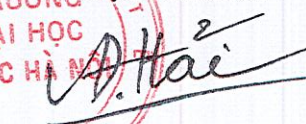
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO


Đỗ Hồng Quảng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




Đinh Thị Thanh Hải

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

- Từ ngày 08/01 đến ngày 16/03/2024 (TT DLS từ 22/01; TT Bào chế từ 26/02/2024)

S Á N G	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
	M1K75	Kỹ thuật HD (1,2,3) Công nghệ vi sinh trong SXDP (4,5) GD 8				Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 8		TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
				Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD2								
	N1K75	TT DLS	TT BC							Bảo chế (1,2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8			
	O1K75					TT DLS	TT BC	Quản lý cung ứng thuốc (1,2,3) Kinh tế dược (4,5) GD 8					
										Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD2		
	P1K75	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD2	Bảo chế (1,2,3) Dược lý DCT (4,5) GD 24						Dược lâm sàng (1,2,3,4) GD 24			
	Q1K75	UD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (1,2) Bảo chế (3,4,5) GD 4+5					Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD2	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1		TT DLS	TT BC		
				TT DLS	TT BC	Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD1			Ngoại ngữ (2,3,4,5) GD2				

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

- Từ ngày 08/01 đến ngày 16/03/2024 (TT DLS từ 22/01; TT Bào chế từ 26/02/2024)

C H I Ể U	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
	M1K75						Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD1	Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD2	Công nghệ vi sinh trong SXDP (6,7) Bào chế (8,9,10) GD 8			
		TT DLS2	TT BC2			TT BC2		TT DLS1				
	N1K75	Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD1	Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD2	Dược lý LS (6,7,8,9) GD 8				Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8			TT BC1	TT DLS1
		TT BC1	TT DLS1			Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD1	Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD2			TT DLS2	TT BC2	
	O1K75	Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8		Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD1	Ngoại ngữ (6,7,8,9) GD2	Kinh tế dược (6,7) Bào chế (8,9,10) GD 8		TT BC2	TT DLS2			
				TT DLS1	TT BC1							TT BC2 TT DLS2
	P1K75	PPNC cây thuốc (6,7,8,9) GD 24		TT BC2	TT DLS2					TT DLS1	TT BC1	
	Q1K75			Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD tiêu chuẩn nguyên liệu HD (6,7,8) ƯD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (9,10) GD 4+5		
							TT DLS1	TT BC1				

• Từ ngày 18/03 đến ngày 23/03/2024

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	M1K75	Kỹ thuật HD (1,2,3) Sản xuất thuốc 1 (4,5) GD 8		Ngoại ngữ (3,4) GD1	Ngoại ngữ (3,4) GD2	Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 8		TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
	N1K75	TT DLS	TT BC							Bảo chế (1,2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8			
	O1K75					TT DLS	TT BC	Quản lý cung ứng thuốc (1,2,3) Kinh tế dược (4,5) GD 8		Ngoại ngữ (3,4) GD1	Ngoại ngữ (3,4) GD2		
	P1K75	Ngoại ngữ (3,4) GD1	Ngoại ngữ (3,4) GD2	Bảo chế (1,2,3) Dược lý DCT (4,5) GD 24		Se PPNCCT				Dược lâm sàng (1,2,3,4) GD 24			
	Q1K75	ƯD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (1,2) Bảo chế (3,4,5) GD 4+5		TT DLS	TT BC	Ngoại ngữ (3,4) GD1	Ngoại ngữ (3,4) GD2	Ngoại ngữ (3,4) GD1	Ngoại ngữ (3,4) GD2	TT DLS	TT BC		

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

• Từ ngày 18/03 đến ngày 23/03/2024

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ể U	M1K75							Ngoại ngữ (7,8) GD1	Ngoại ngữ (7,8) GD2	Công nghệ vi sinh trong SXDP (6,7) Bảo chế (8,9,10) GD 8			
		TT DLS2	TT BC2			TT BC2			TT DLS1				
	N1K75	Ngoại ngữ (7,8) GD1	Ngoại ngữ (7,8) GD2	Dược lý LS (6,7,8,9) GD 8				Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8				TT BC1	TT DLS1
		TT BC1	TT DLS1			Ngoại ngữ (7,8) GD1	Ngoại ngữ (7,8) GD2			TT DLS2	TT BC2		
	O1K75	Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8		Ngoại ngữ (7,8) GD1	Ngoại ngữ (7,8) GD2	Kinh tế dược (6,7) Bảo chế (8,9,10) GD 8		TT BC2	TT DLS2				
				TT DLS1	TT BC1							TT BC2	TT DLS2
	P1K75	Thực vật DT học UD (6,7,8,9) GD 24		TT BC2	TT DLS2		Se PPNCCCT	Phương thuốc CT (6,7,8,9) GD 24		TT DLS1	TT BC1		
	Q1K75			Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD tiêu chuẩn nguyên liệu HD (6,7,8) UD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (9,10) GD 4+5			
							TT DLS1	TT BC1					

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

• Từ ngày 25/03 đến ngày 30/03/2024

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	M1K75	Kỹ thuật HD (1,2,3) Sản xuất thuốc 1 (4,5) GD 8				Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 8		TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
	N1K75	TT DLS	TT BC							Bảo chế (2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8			
	O1K75					TT DLS	TT BC	Quản lý cung ứng thuốc (1,2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8					
	P1K75			Bảo chế (2,3) Dược lý DCT (4,5) GD 24						Dược lâm sàng (1,2,3,4) GD 24			
	Q1K75	ƯD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (1,2,3) Bảo chế (4,5) GD 4+5								TT DLS	TT BC		
				TT DLS	TT BC								

- Từ ngày 25/03 đến ngày 30/03/2024

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ể U	M1K75									Công nghệ vi sinh trong SXDP (6,7,8) Bảo chế (9,10) GD 8			
		TT DLS2	TT BC2			TT BC2			TT DLS1				
	N1K75			Dược lý LS (6,7,8,9) GD 8				Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8				TT BC1	TT DLS1
		TT BC1	TT DLS1							TT DLS2	TT BC2		
	O1K75	Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8				Kinh tế dược (6,7,8) Bảo chế (9,10) GD 8		TT BC2	TT DLS2				
				TT DLS1	TT BC1							TT BC2	TT DLS2
P1K75	Thực vật DT học UD (6,7,8,9) GD 24		TT BC2	TT DLS2			Phương thuốc CT (6,7,8,9) GD 24		TT DLS1	TT BC1			
Q1K75			Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD tiêu chuẩn nguyên liệu HD (6,7,8) XD và thẩm định PPPT (9,10) GD 4+5				
						TT DLS1	TT BC1						

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

• Từ ngày 01/04 đến ngày 06/04/2024

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	M1K75	Kỹ thuật HD (1,2,3) Sản xuất thuốc 1 (4,5) GD 8				Dược lâm sàng (2,3,4,5) GD 8		TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
	N1K75	TT DLS	TT BC							Bảo chế (1,2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8			
	O1K75					TT DLS	TT BC	Quản lý cung ứng thuốc (1,2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8					
	P1K75			Bảo chế (1,2,3) Dược lý DCT (4,5) GD 24						Dược lâm sàng (1,2,3,4) GD 24			
	Q1K75	ƯD sắc ký trong PT thuốc và dịch SH (1,2) Bảo chế (3,4,5) GD 4+5								TT DLS	TT BC		
				TT DLS	TT BC								

• Từ ngày 01/04 đến ngày 06/04/2024

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ể U	M1K75	TT DLS2	TT BC2			TT BC2			TT DLS1	Sản xuất thuốc 1 (6,7) Bảo chế (8,9,10) GD 8			
	N1K75	TT BC1	TT DLS1	Dược lý LS (7,8,9) GD 8				Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8		TT DLS2	TT BC2	TT BC1	TT DLS1
	O1K75	Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 8		TT DLS1	TT BC1	Dược cộng đồng (6,7) Bảo chế (8,9,10) GD 8		TT BC2	TT DLS2			TT BC2	TT DLS2
	P1K75	Thực vật DT học UD (6,7,8,9) GD 24		TT BC2	TT DLS2			Phương thuốc CT (6,7,8,9) GD 24		TT DLS1	TT BC1		
	Q1K75			Dược lâm sàng (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD tiêu chuẩn nguyên liệu HD (6,7,8) XD và thẩm định PPPT (9,10) GD 4+5			
							TT DLS1	TT BC1					

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

• Từ ngày 08/04/2024 đến ngày 13/04/2024

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	M1K75	Kỹ thuật HD (2,3,4) GD 8						TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
	N1K75	TT DLS	TT BC					TT DCĐ		Dược lý LS (2,3) Dược cộng đồng (4,5) GD 8			
				TT DCĐ			TT DCĐ						
	O1K75	/			/	TT DLS	TT BC	Quản lý cung ứng thuốc (2,3,4) GD 8				/	
	P1K75			Phương thuốc CT (2,3) Dược lý DCT (4,5) GD 24									
	Q1K75	XD và thẩm định PPPT (2,3,4,5) GD 4+5								TT DLS	TT BC		
				TT DLS	TT BC								

• Từ ngày 08/04/2024 đến ngày 13/04/2024

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ể U	M1K75									Sản xuất thuốc 1 (6,7,8,9) GD 8			
		TT DLS2	TT BC2			TT BC2			TT DLS1				
	N1K75			Sử dụng thuốc trong ĐT (6,7,8,9) GD 8			TT DCĐ	Sử dụng thuốc trong ĐT (6,7,8,9) GD 8				TT BC1	TT DLS1
		TT BC1	TT DLS1							TT DLS2	TT BC2		
	O1K75					Dược cộng đồng (6,7,8,9) GD 8		TT BC2	TT DLS2				
				TT DLS1	TT BC1							TT BC2	TT DLS2
P1K75	Thực vật DT học UD (6,7,8,9) GD 24						Phương thuốc CT (6,7,8,9) GD 24		TT DLS1	TT BC1			
Q1K75			Kiểm nghiệm DL và chế phẩm DL (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD và thẩm định PPPT (6,7,8,9) GD 4+5				
					TT DLS1	TT BC1							

• Từ ngày 15/04/2024

	LỚP	THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
S Á N G	M1K75							TT DLS	TT BC			TT BC	TT DLS
	N1K75	TT DLS	TT BC					TT DCĐ	Se DLLS				
				TT DCĐ	Se DLLS	Se DLLS	TT DCĐ						
	O1K75			TT DCĐ	TT QLCU	TT DLS	TT BC			TT QLCU	TT DCĐ		
		TT DCĐ	TT QLCU			TT QLCU	TT DCĐ						
	P1K75	Se Phương thuốc CT					Se Phương thuốc CT		Se DLýDCT			TT TVDT học UD	TT TVDT học UD
	Q1K75	XD và thẩm định PPPT (2,3,4,5) GD 4+5								TT DLS	TT BC		
				TT DLS	TT BC								

THỜI KHOÁ BIỂU K75 - HỌC KỲ II (2023 - 2024)

• Từ ngày 15/04/2024

		THỨ HAI		THỨ BA		THỨ TƯ		THỨ NĂM		THỨ SÁU		THỨ BẢY	
C H I Ể U	M1K75									Sản xuất thuốc 1 (6,7,8,9) GD 8			
		TT DLS2	TT BC2			TT BC2			TT DLS1				
	N1K75			Sử dụng thuốc trong ĐT (6,7,8,9) GD 8		Se DLLS	TT DCĐ	Sử dụng thuốc trong ĐT (6,7,8,9) GD 8				TT BC1	TT DLS1
		TT BC1	TT DLS1							TT DLS2	TT BC2		
	O1K75		Se KTD	Se KTD		Dược cộng đồng (6,7,8,9) GD 8		TT BC2	TT DLS2				
				TT DLS1	TT BC1			Se KTD			Se KTD	TT BC2	TT DLS2
	P1K75	Thực vật DT học UD (6,7,8,9) GD 24		TT BC2	TT DLS2	Se.DLýDCT		Phương thuốc CT (6,7,8,9) GD 24		TT DLS1	TT BC1	TT TVDT học UD	TT TVDT học UD
	Q1K75			Kiểm nghiệm DL và chế phẩm DL (6,7,8,9) GD 4+5		TT BC1	TT DLS2			XD và thẩm định PPPT (6,7,8,9) GD 4+5			
							TT DLS1	TT BC1					

Thực tập, Seminar của các lớp K75 chia nhóm như sau:

M,N,O K75		P1K75		Q1K75	
Nhóm 1 (Tổ 1,2,3)	Nhóm 3 (Tổ 7,8,9)	Nhóm 1 (Tổ 1,2,3)	Nhóm 2 (Tổ 4,5)	Nhóm 1 (Tổ 1,2,3)	Nhóm 3 (Tổ 7,8,9)
Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)	Nhóm 4 (Tổ 10,11,12)			Nhóm 2 (Tổ 4,5,6)	Nhóm 4 (Tổ 10,11)

* LT toàn khóa K75 bắt đầu từ 08/01/2024;

- LT Sản xuất thuốc 1 (MK75) từ 18/03/2024;
- LT Sử dụng thuốc trong điều trị (NK75) từ 08/04/2024;
- LT Dược cộng đồng (OK75) từ 25/03/2024;
- LT Thực vật dân tộc học ứng dụng (PK75) từ 18/03/2024; LT Phương thuốc cổ truyền (PK75) từ 18/03/2024;
- LT XD và thẩm định phương pháp PT (QK75) từ 25/03/2023
- Kiểm nghiệm DL và chế phẩm từ DL (QK75) từ 08/04/2024;

* TT K75 bắt đầu từ:

- TT Dược lâm sàng từ **22/01/2024**; TT Bào chế từ 26/02/2024
- TT Kỹ thuật Hóa dược, Công nghệ VS trong SXDP và Sản xuất thuốc 1 (MK75) từ 29/04/2024 theo lịch riêng;
- Seminar Dược lý lâm sàng (NK75) từ 15/04/2024; TT Sử dụng thuốc trong điều trị (NK75) từ 13/05/2024 theo lịch BM DLS;
- TT Dược cộng đồng (NK75) từ 08/04/2024;
- TT Dược cộng đồng (OK75) từ 06/05/2024; TT Quản lý cung ứng thuốc (OK75) từ 22/04/2024; Se Kinh tế dược từ 22/04/2024;
- Seminar Phương thuốc CT (PK75) từ 29/04/2024; Seminar Dược lý – DCT (PK75) từ 29/04/2024; Se Phương pháp nghiên cứu cây thuốc (PK75) từ 18/03/2024; TT Thực vật dân tộc học ứng dụng từ 27/05/2024;
- TT KNDL và các chế phẩm DL tại BM Dược liệu (QK75) Từ 13/05-25/05/2024, Nhóm 1 thực tập ngày T2, Nhóm 2 vào T3;

Nhóm 3 vào T5, Nhóm 4 vào T6; Từ 27/05-01/06/2024, Nhóm 1 thực tập ngày T2, ST3; Nhóm 2 vào CT3,T4; Nhóm 3 vào T5,ST6, Nhóm 4 vào CT6,T7

- TT UDSK từ 05-11/05/2024 tại phòng TT CLC; Nhóm 1 thực tập ngày CN,T2, Nhóm 2 vào T3,T4; Nhóm 3 vào T5,T6, Nhóm 4 vào T7, CN

THỜI KHOÁ BIỂU THỰC TẬP
KỸ THUẬT HÓA DƯỢC, CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG SẢN XUẤT DƯỢC
PHẨM VÀ SẢN XUẤT THUỐC 1

Học kỳ II - Năm học 2023 – 2024 - Lớp M1K75

BUỔI	Phòng KTHD				Phòng CNVS				Phòng BCCN					
	06/05-11/05	13/05-18/05	20/05-25/05	27/05-01/06	06/05-11/05	13/05-18/05	20/05-25/05	27/05-01/06	02/05-07/05	08/05-13/05	14/05-18/05	20/05-24/05	25/05-30/05	31/05-05/06
Sáng	Tổ 1,2,3												Tổ 1	
Chiều	Tổ 4,5,6												Tổ 2	
Sáng						Tổ 1,3						Tổ 3		
Chiều						Tổ 2,4						Tổ 4		
Sáng							Tổ 5,7				Tổ 5			
Chiều							Tổ 6,8				Tổ 6			
Sáng		Tổ 7,8,9												Tổ 7
Chiều		Tổ 10,11,12												Tổ 8
Sáng								Tổ 9,11	Tổ 9					
Chiều								Tổ 10,12	Tổ 10					
Sáng										Tổ 12				
Chiều										Tổ 11				
Chủ nhật									05/05	12/05			26/05	02/06

Ghi chú: Thực tập liên tục vào các buổi theo các đợt như trên tại các phòng TT KTHD - 6 bài, TT CNVS - 6 bài; TT SXT1 - 5 bài; Sáng bắt đầu từ 8h00; Chiều từ 13h30; Nghỉ Chủ nhật.